

MỎ QUẠ (Lá)

Maclurae cochinchinensis Folium

Mô điều, Vàng lỏ, Căng lỏ

Lá tươi hay được làm khô của cây Mỏ quạ (*Maclura cochinchinensis* (Lour.) Corn.), họ Dâu tằm (Moraceae). Thu hái quanh năm, tốt nhất vào mùa hạ, cắt cành mang lá, rửa sạch, tách lá dùng tươi hoặc phơi hay sấy khô.

Mô tả

Lá hình bầu dục thuôn, dài 6 cm đến 9 cm, rộng 2,5 cm đến 3 cm, gốc hẹp, đầu nhọn hoặc hơi tù, mặt trên nhẵn bóng, mặt dưới nhạt.

Vị phẫu

Gân lá: Mặt trên phẳng, mặt dưới lồi nhiều. Biểu bì trên và biểu bì dưới cấu tạo bởi những tế bào nhỏ, tròn, xếp đều đặn. Sát biểu bì có các mô dày cấu tạo bởi các tế bào nhỏ thành dây. Bó libe-gỗ của gân chính có vòng libe bao quanh, trong vòng libe có cung gỗ cấu tạo bởi các mạch gỗ xếp sát nhau, có nhiều ống mạch lớn. Cung gỗ phía trên cấu tạo bởi các mạch gỗ nhỏ. Trong phần libe và mô mềm sát libe có các tinh thể calci oxalat hình khối. Phía ngoài vòng libe rải rác có sợi riêng lẻ hay xếp thành từng bó.

Phiến lá: Có biểu bì trên là một hàng tế bào chữ nhật xếp đứng, có mặt ngoài hóa cutin. Dưới biểu bì trên có 3 đến 4 hàng tế bào mô giậu. Mô mềm phiến lá cấu tạo bởi những tế bào hình trứng, thành mỏng. Biểu bì dưới gồm các tế bào hình chữ nhật xếp ngang, giữa biểu bì dưới và mô giậu là mô khuyết.

Bột

Bột có màu xanh lục đậm, mùi đặc biệt, soi kính hiển vi thấy: Mảnh biểu bì mang lỗ khí, mảnh phiến lá mang tinh thể calci oxalat hình khối, mảnh mạch xoắn, sợi thành dày riêng lẻ hay xếp thành bó.

Độ ẩm (đối với dược liệu khô)

Không quá 13,0 % (Phụ lục 12.13).

Tạp chất (Phụ lục 12.11)

Thân sót lại: Không quá 2 %.

Tạp chất khác: Không quá 1 %.

Dược liệu tươi không được có lá thối, hỏng.

Chất chiết được trong dược liệu

Không ít hơn 7,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10), dùng *ethanol* 96 % (TT) làm dung môi.

Chế biến

Lấy lá rửa sạch, băm nhỏ, phơi khô dùng.

Bảo quản

Dược liệu đã phơi khô để trong bao bì kín, nên dùng trong 30 ngày sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị hơi đắng, nhắm thấy tê đầu lưỡi, mùi hăng, tính ôn (có tài liệu ghi tính lương).

Công năng, chủ trị

Khu phong, hoạt huyết, hóa ứ, bế kinh, sát trùng, liền da. Chủ trị: Trị mụn nhọt, lở loét, sắc uống trị đau xương khớp, trị bế kinh.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 10 g đến 30 g, dạng thuốc sắc, thường phối hợp với các vị thuốc khác.

Thường dùng tươi. Lá tươi giã nhuyễn, bỏ gân lá, bó đắp các vết thương ngoài da làm hết mủ, lên da. Liều thích hợp.

Kiêng kỵ

Phụ nữ có thai không được dùng.

MỘC HOA TRẮNG (Vỏ thân)

Holarrhenae Cortex

Mức hoa trắng, Thừng mực lá to

Vỏ thân bỏ lớp bần được làm khô của cây Mộc hoa trắng [*Holarrhena pubescens* Wall. ex G. Don., syn. *Holarrhena antidysenterica* (Roxb. ex Flem.) A. DC.; *Echites antidysenterica* Roxb. ex Flem.], họ Trúc đào (Apocynaceae). Khai thác vỏ thân vào mùa thu, khi tiết trời khô ráo, dùng dao tách lấy một phần vỏ của thân cây, sau đó bóc bỏ lớp ngoài (bần), thái phiến dài 3 cm đến 5 cm, phơi hoặc sấy khô.

Mô tả

Miếng vỏ hơi cong, dài khoảng 3 cm đến 5 cm, dày 0,2 cm đến 1,5 cm. Mặt ngoài màu nâu sẫm, rải rác có những đám màu trắng xám. Mặt trong nhẵn, màu vàng nhạt hay vàng nâu. Dễ bẻ gãy, mặt bẻ lõm chõm, nhìn thấy rõ nhiều lớp chồng lên nhau. Mặt cắt có mô mềm mỏng, màu nâu đỏ thẫm, libe dày màu vàng nhạt, có nhiều lớp và lồi nhô như có sạn. Không mùi, vị rất đắng.

Bột

Mảnh mô mềm gồm những tế bào hình đa giác thành mỏng. Mảnh bần còn sót lại màu nâu nhạt. Tế bào mô cứng đứng rời hay xếp thành từng đám có màu vàng nhạt, hình nhiều cạnh, thành dày, khoang rộng có ống trao đổi rõ. Tinh thể calci oxalat hình khối chữ nhật dài khoảng 40 µm, rộng khoảng 30 µm. Mảnh mạch. Hạt tinh bột hình trứng dài có rốn rõ.

Định tính

A. Lấy 1 g bột dược liệu, thấm ẩm bằng *amoniac* (TT), thêm 10 ml *cloroform* (TT), lắc đều, đậy kín, ngâm trong 12 h. Lọc, lấy dịch lọc cho vào bình gạn, thêm 5 ml *dung dịch acid hydrochloric 1 M* (TT), lắc kỹ. Gạn lấy lớp acid cho vào 3 ống nghiệm:

Ống 1: Thêm 2 giọt đến 3 giọt *thuốc thử Mayer* (TT), xuất hiện tủa trắng.

Ống 2: Thêm 2 giọt đến 3 giọt *thuốc thử Dragendorff* (TT), xuất hiện tủa đỏ cam.